

1. MÔN TOÁN 6 – TUẦN 6

Tiết 19 - LUYỆN TẬP

Ví dụ 1 :

Do xếp 36 bạn thành các hàng đều nhau nên số bạn trong mỗi hàng phải là ước của 36.

Ta có $U(36) = \{ 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 6 ; 9 ; 12 ; 18 ; 36 \}$

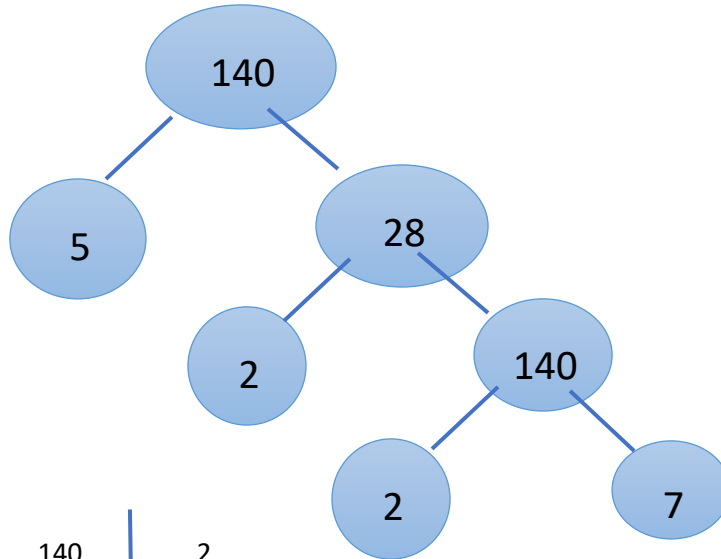
Vì mỗi hàng có từ 3 đến 12 bạn nên số bạn trong mỗi hàng chỉ có thể là: 3 ; 4 ; 6 ; 9 ; 12.

Do đó, ta có 5 cách xếp thỏa mãn yêu cầu đề bài, cụ thể :

Số bạn ở mỗi hàng	3	4	6	9	12
Số hàng	12	9	6	4	3

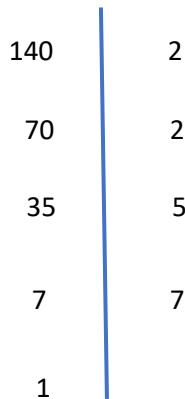
Ví dụ 2:

- Sơ đồ cây



Vậy $140 = 2^2 \cdot 5 \cdot 7$

- Sơ đồ cột :



Bài 2.25 :

a) Số cần viết chia hết cho 5 từ giả thiết, nó có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5. Vậy các số cần tìm là: 510 ; 150 ; 310 ; 130 ; 350 ; 530 ; 105 ; 305.

b) Số cần viết chia hết cho 3 nên tổng các chữ số của nó phải chia hết cho 3. Từ giả thiết, ta viết số cần tìm là 510 ; 501 ; 105 ; 150 ; 135 ; 153 ; 315 ; 513 ; 531.

Bài 2.26 :

$$A = 4^2 \cdot 6^3 = (2^2)^2 \cdot (2 \cdot 3)^3 = 2^4 \cdot 2^3 \cdot 3^3 = 2^7 \cdot 3^3$$

$$B = 9^2 \cdot 15^2 = (3^2)^2 \cdot (3 \cdot 5)^2 = 3^4 \cdot 3^2 \cdot 5^2 = 3^6 \cdot 5^2$$

Bài 2.27:

a) Vì $100 \div 4$ nên $x \div 4$. Do đó $x \in \{0 ; 4 ; 8 ; 12 ; 16 ; 20\}$

b) Vì $18 \div 9 ; 90 \div 9$ nên $x \div 9$. Do đó $x \in \{0 ; 9 ; 18\}$

Bài 2.28:

Số người mỗi nhóm phải lớn hơn 3 và là ước của 40.

Mà $U(40) = \{1 ; 2 ; 4 ; 5 ; 8 ; 10 ; 20 ; 40\}$ nên mỗi nhóm có thể có 4 ; 5 ; 8 ; 10 ; 20 hoặc 40 người.

Bài 2.29:

Các cặp nguyên tố sinh đôi nhỏ hơn 40 là: 3 và 5; 5 và 7; 11 và 13; 17 và 19; 29 và 31.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học từ đầu chương II tới giờ
- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.
- Chuẩn bị bài mới “ **Ước chung, ước chung lớn nhất**”

.....
TIẾT 20+ 21 - §11: ƯỚC CHUNG, ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT

1. Ước chung và ước chung lớn nhất

*** Ước chung và ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số:**

+ $Ư(24) = \{1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24\}$

$Ư(28) = \{1; 2; 4; 7; 14; 28\}$

+ $ƯC(24; 28) = \{1; 2; 4\}$

+ Số lớn nhất trong tập $ƯC(24; 28) = \{4\}$

+ **Ước chung** của hai hay nhiều số là ước của tất cả các số đó.

+ **Ước chung lớn nhất** của hai hay nhiều số là số lớn nhất trong tập hợp tất cả các ước chung của số đó.

Kí hiệu:

+ $ƯC(a; b)$ là tập hợp các ước chung của a và b;

+ $ƯCLN(a, b)$ là ước chung lớn nhất của a và b.

***Chú ý:** Ta chỉ xét ước chung của các số khác 0.

Ví dụ 1:

$Ư(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$

$Ư(30) = \{1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30\}$

$ƯC(18; 30) = \{1; 2; 3; 6\}$

$\Rightarrow ƯCLN(18, 30) = 6$

Ví dụ 2:

Độ dài lớn nhất (đơn vị dm) của mỗi thanh gỗ được cắt chính là $ƯCLN(18, 30) = 6$.

Vậy, bác thợ mộc nên cắt các tấm gỗ thành các thanh gỗ dài 6dm.

*** Tìm ƯCLN trong trường hợp đặc biệt:**

+ Trong các số đã cho, nếu số nhỏ nhất là ước của các số còn lại thì ƯCLN của các số đã cho chính là số nhỏ nhất ấy.

Nếu $a \div b$ thì $ƯCLN(a, b) = b$.

VD: Vì $18 \div 6$ nên ta có $ƯCLN(18, 6) = 6$

+ Số 1 chỉ có một ước là 1. Do đó với mọi số tự nhiên a và b, ta có:

$ƯCLN(a, 1) = 1; ƯCLN(a, b, 1) = 1$

?

$Ư(90) = \{1; 2; 3; 5; 6; 9; 10; 15; 18; 30; 45; 90\}$

$Ư(10) = \{1; 2; 5; 10\}$

$\Rightarrow ƯCLN(90, 10) = \{10\}$

Luyện tập 1:

$ƯCLN(12, 15) = 3 \Rightarrow$ Mỗi bạn sẽ được bố chia cho $12 : 3 = 4$ quả bóng màu xanh và $15 : 3 = 5$ quả bóng màu đỏ.

Vấn dụng 1:

Vì số HS nam và nữ trong các nhóm đều bằng nhau nên số nhóm chính là số ước chung của 40 và 56.

Ta có $Ư(40) = \{1; 2; 4; 5; 8; 10; 20; 40\}$

$Ư(36) = \{1; 2; 3; 4; 6; 9; 12; 18; 36\}$

$\Rightarrow ƯC(40; 36) = \{1; 2; 4\}$

Vậy có thể chia thành 1, 2, 4 nhóm.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 6

Số HS nam và nữ trong mỗi nhóm được cho như bảng sau:

Số nhóm	Số nam	Số nữ
1	36	40
2	18	20
4	9	10

2. Cách tìm ước chung lớn nhất.

*** Tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố:**

B1: Phân tích ra thừa số nguyên tố;

B2: Chọn ra các **thừa số nguyên tố chung**;

B3: Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với **số mũ nhỏ nhất**. Tích đó là ƯCLN phải tìm.

?:

$$45 = 3^2 \cdot 5$$

$$150 = 2 \cdot 3 \cdot 5^2$$

$$\Rightarrow \text{ƯCLN}(45, 150) = 3 \cdot 5 = 15$$

Luyện tập 2:

$$36 = 2^2 \cdot 3^2$$

$$84 = 2^2 \cdot 3 \cdot 7$$

$$\Rightarrow \text{ƯCLN}(36, 84) = 2^2 \cdot 3 = 12$$

Vận dụng 2:

Gọi số hàng dọc nhiều nhất có thể xếp được là: x (hàng, $x \in \mathbb{N}^*$)

$$\Rightarrow x = \text{ƯCLN}(24, 28, 36)$$

$$24 = 2^3 \cdot 3$$

$$28 = 2^2 \cdot 7$$

$$36 = 2^2 \cdot 3^2$$

$$x = \text{ƯCLN}(24, 28, 36) = 2^2 = 4$$

Vậy Có thể xếp được nhiều nhất 4 hàng dọc.

*** Tìm ước chung từ ước chung lớn nhất :**

B1: Tìm ƯCLN của các số đó.

B2: Tìm các ước của ƯCLN đó.

?

$$\text{ƯCLN}(75, 105) = 15$$

$$\Rightarrow \text{ƯC}(75, 105) = \text{Ư}(15) = \{1; 3; 5; 15\}$$

Ví dụ 4: SGK – tr 46

Thử thách nhỏ:

a) Gọi số tiền để mua một vé là: x (nghìn đồng, $x \in \mathbb{N}^*$, $2 < x < 10$).

$$\Rightarrow x \in \text{ƯC}(56, 28, 42, 98)$$

$$56 = 2^3 \cdot 7$$

$$28 = 2^2 \cdot 7$$

$$42 = 2 \cdot 3 \cdot 7$$

$$98 = 2 \cdot 7^2$$

$$\Rightarrow \text{ƯCLN}(56, 28, 42, 98) = 2 \cdot 7 = 14 \Rightarrow \text{ƯC}(56, 28, 42, 98) = \text{Ư}(14) = \{1; 2; 7; 14\}$$

$$\text{Vì } 2 < x < 10 \Rightarrow x \in \{7\}$$

Vậy Giá tiền một vé có thể là 7000 đồng.

b) Số học sinh ngày Thứ Hai đóng tiền là:

$$56\,000 : 7000 = 8 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh ngày Thứ Ba đóng tiền là:

$$28\ 000 : 7000 = 4 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh ngày thứ Tư đóng tiền là:

$$42\ 000 : 7000 = 6 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh ngày thứ Năm đóng tiền là:

$$98\ 000 : 7000 = 14 \text{ (học sinh)}$$

Tổng số học sinh tham gia chuyến đi là:

$$8 + 4 + 6 + 14 = 32 \text{ (học sinh)}$$

Vậy có 32 học sinh tham gia chuyến đi.

3. Rút gọn về phân số tối giản

Vận dụng ƯCLN để rút gọn phân số tối giản.

+ Ta **rút gọn phân số** bằng cách chia cả tử và mẫu của phân số đó cho một ước chung khác 1 (nếu có).

+ Phân số $\frac{a}{b}$ được gọi là phân số tối giản nếu a và b không có ước chung nào khác 1,

nghĩa là ƯCLN (a, b) = 1.

$$\text{VD: } \frac{18}{30} = \frac{6}{10} = \frac{3}{5}$$

+ Để đưa một phân số $\frac{a}{b}$ chưa tối giản về phân số tối giản, ta chia cả tử và mẫu cho ƯCLN(a,b).

$$\text{VD: } \frac{18}{30} \text{ chưa tối giản và } \text{ƯCLN}(18, 30) = 6$$

$$\Rightarrow \frac{18}{30} = \frac{18:6}{30:6} = \frac{3}{5}$$

Ta có: $\frac{3}{5}$ là phân số tối giản.

?:

$\frac{16}{10}$ chưa là phân số tối giản.

$$\text{ƯCLN}(16,10) = 2$$

$$\Rightarrow \frac{16}{10} = \frac{16:2}{10:2} = \frac{8}{5}$$

Ta có: $\frac{8}{5}$ là phân số tối giản.

Ví dụ 5: SGK-tr47

*** Chú ý:** Nếu ƯCLN(a, b) = 1 thì hai số a, b được gọi là hai số nguyên tố cùng nhau.

Luyện tập 3:

$$\text{a) } \frac{90}{27} = \frac{90:9}{27:9} = \frac{10}{3} \text{ (vì } \text{ƯCLN}(90,27) = 9 \text{)}$$

$$\text{b) } \frac{50}{125} = \frac{50:25}{125:25} = \frac{2}{5}$$

Bài 2.30 :

a) ƯC (30 ,45)

$30 = 2.3.5 ; 45 = 3^2.5$

$\Rightarrow \text{ƯCLN}(30, 45) = 3.5 = 15$

$\Rightarrow \text{ƯC}(30,45) = \text{Ư}(15) = \{1 ; 3 ; 5 ; 15\}$

b) $\text{ƯC}(42, 70)$

$42 = 2.3.7 ; 70 = 2.5.7$

$\Rightarrow \text{ƯCLN}(42,70) = 2.7 = 14$

$\Rightarrow \text{ƯC}(42, 70) = \text{Ư}(14) = \{1 ; 2 ; 7 ; 14\}$

Bài 2.33 :

a) $a = 72 = 2^3.3^2$

$b = 96 = 2^5.3$

b) $\text{ƯCLN}(a,b) = 2^3.3=24$

$\Rightarrow \text{ƯC}(a, b) = \text{Ư}(24) = \{1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 6 ; 8 ; 12 ; 24\}$

Bài 2.34 :

a) $\frac{50}{85} = \frac{50:5}{85:5} = \frac{10}{17}$ (vì $\text{ƯCLN}(50,85) = 5$)

b) $\frac{23}{81}$ là phân số tối giản vì $\text{ƯCLN}(23, 81) = 1$

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

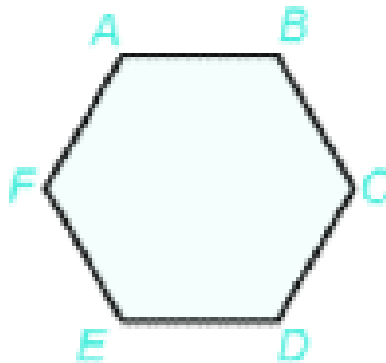
- Đọc và ghi nhớ nội dung chính của bài.
- Vận dụng kiến thức làm bài tập **2.31 + 2.32**
- Chuẩn bị bài mới “ **Bội chung, bội chung nhỏ nhất**”.

.....

TIẾT 42 - §18: HÌNH TAM GIÁC ĐỀU. HÌNH VUÔNG. HÌNH LỤC GIÁC ĐỀU.

3. Hình lục giác đều

+ HD5:



- Các đỉnh: A, B, C, D, E, F
- Các cạnh: AB, BC, CD, DE, EF, FA.
- Các góc , , , , , .
- Các cạnh của hình bằng nhau
- Các góc của hình bằng nhau và bằng 120° .

+ HD6:

- Các đường chéo của hình: AD, BE, CF.
- Độ dài các đường chéo của hình bằng nhau.

*** Nhận xét:** Hình lục giác đều có:

- Sáu cạnh bằng nhau.
- Sáu góc bằng nhau, mỗi góc bằng 120° .
- Ba đường chéo chính bằng nhau.

Luyện tập:

- + Các tam giác đều ghép thành hình lục giác đều là: tam giác ABO, tam giác BCO, tam giác CDO, tam giác DEO, tam giác EFO, tam giác FAO.
- + Trong hình còn có các tam giác đều: ACE, BDF.

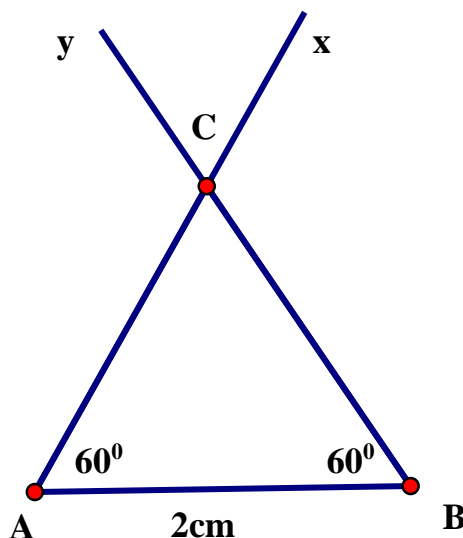
Bài 4.2 :

Vẽ tam giác đều ABC cạnh 2cm:

- + Bước 1: Vẽ đoạn thẳng AB = 2cm.
- + Bước 2: Dùng ê ke có góc $\angle xAB = 60^\circ$.
- + Bước 3: Vẽ $\angle yBA = 60^\circ$.

Ta thấy Ax và By cắt nhau tại C

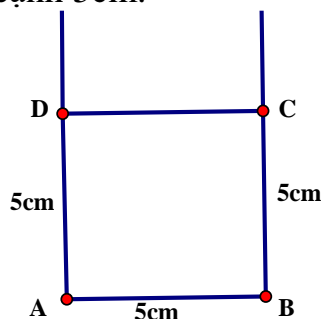
=> Ta được **tam giác đều ABC** cạnh 2cm.



Bài 4.3:

Vẽ hình vuông ABCD cạnh 5cm:

- + Bước 1: Vẽ đoạn thẳng AB = 5cm.
 - + Bước 2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A. Xác định điểm D trên đường thẳng đó sao cho AD = 5cm.
 - + Bước 3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B. Xác định điểm C trên đường thẳng đó sao cho BC = 5cm.
 - + Bước 4: Nối C với D ta được hình vuông ABCD.
- => Ta được **hình vuông ABCD** cạnh 5cm.



*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Luyện vẽ tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.
- Hoàn thành bài tập: 4.5 vào giấy A4 và nộp vào buổi học sau.
- Luyện cắt tam giác đều theo hướng dẫn của **Bài 4.7** (SGK-tr82).
- Tìm hiểu và đọc trước “**Bài 19: Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân**”. và sưu tầm đồ vật, tranh ảnh về hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành,

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 6

hình thang cân theo tổ. (Tổ nào sưu tầm được nhiều đồ vật, tranh ảnh nhất sẽ được phần thưởng của GV).

2. MÔN NGỮ VĂN 6 – TUẦN 6

Văn bản 2.Tiết 21 MÂY VÀ SÓNG.

-- Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go--

I. Đọc, tìm hiểu chung

1. Tác giả.

- Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go (1861–1941) là nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ, là nhà thơ đầu tiên của châu Á được nhận giải thưởng Nô-ben về văn học (năm 1913).

- Bài thơ được in trong tập *Trăng non* xuất bản năm 1909, là một bài thơ văn xuôi nhưng vẫn có âm điệu nhịp nhàng.

2. Tác phẩm

a) Đọc và tìm hiểu chú thích

- Thể thơ : tự do

- Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

b) Tìm hiểu chung

- Văn bản chia làm 2 phần

+ P1: Từ đầu ... Từ đầu đến xanh thẳm.

→ câu chuyện với mẹ về những người ở trên mây và trò chơi thú nhất của em bé.

+ P2: còn lại:

→ câu chuyện với mẹ về những người ở trong sóng và trò chơi thú hai của em bé.

II. Đọc, hiểu văn bản.

1. Lời rủ rê của những người sống “trên mây” và “trong sóng”.

- Thể giới của người trên mây và trong sóng:

“Bọn tớ chơi ... với vàng trắng bạc”

“Bọn tớ ca hát ... đến nơi nao”.

- Cách đến với họ:

+ Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời;

+ Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại.

→ Hình ảnh thiên nhiên bay bổng, lung linh, kì ảo: Lời mời gọi của một thế giới kì diệu, hấp dẫn với cách đến đơn giản.

→ Thiên nhiên rực rỡ, bí ẩn bao điều thú vị, thật khó có thể từ chối.

2. Lời từ chối của em bé.

- Khi mới được rủ rê, mời mọc, em bé rất muốn đi chơi, em hỏi:

“Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”

“Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?”

- Nhưng sau đó em đã từ chối lời mời mọc đầy quyến rũ của *mây* và *sóng* vì: “Mẹ mình đang đợi ở nhà”, “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được”.

“Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được”

→ Tuổi nhỏ thường ham chơi, em bé bị quyến rũ và dĩ nhiên em luyến tiếc những cuộc vui chơi, nhưng tình yêu thương mẹ đã chiến thắng

→ Tinh thần nhân văn sâu sắc của bài thơ thể hiện ở sự vượt lên ham muốn ấy. Đó chính là *sức níu giữ của tình mẫu tử*.

3. Trò chơi của em bé

- Trò chơi của em bé rất hay, thú vị, sáng tạo vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quán quýt bên mẹ - như mây quán quýt bên vầng trăng, như sóng vui đùa bên bờ biển.

- Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào.

→ Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp thiên nhiên, vũ trụ mênh mông.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Bố cục hai phần giống nhau, sự giống nhau nhưng không trùng lặp về ý và lời.

- Sáng tạo nên những hình ảnh thiên nhiên bay bổng, lung linh, kỳ ảo song vẫn rất sinh động và chân thực gợi nhiều liên tưởng.

2. Nội dung

Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.

3. Ý nghĩa

Bài thơ ca ngợi ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử.

Tiết 22. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. BIỆN PHÁP TU TỪ.

a) Khái niệm ẩn dụ

Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

b) Luyện tập

Bài tập 1:

- “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, đầy hấp dẫn.

- “Mây” và “sóng” mở ra những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí.

- “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho những cám dỗ ở đời.

Bài tập 2

cùng quyến rũ, khơi dậy tình yêu thiên nhiên và sự trân trọng mỗi khoảnh khắc quý giá của cuộc sống.

Bài tập 3:

Con là sóng và mẹ là bến bờ kì lạ

Con **lăn, lăn, lăn** mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ.

→ Điệp ngữ: lăn

→ Tác dụng: Vừa có ý nghĩa tả thực hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác, vừa gợi hình tượng những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỡ vào bờ cát. Từ đó gợi lên hình ảnh em bé vô tư, hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh “bình minh vàng”, “vàng trắng bạc”: ẩn dụ;

- Tác dụng:

+ “Bình minh vàng”: mở ra không gian đẹp, tràn ngập ánh sáng rực rỡ, như dát vàng → gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian.

+ “Vàng trắng bạc”: mỹ lệ hóa vẻ đẹp của vàng trắng: sáng lấp lánh như chiếc đĩa làm bằng bạc.

→ Những hình ảnh ẩn dụ đã mở ra một không gian thiên nhiên, rực rỡ, lấp lánh ánh sáng, sắc màu vô.

II. DẤU CÂU

a) Công dụng dấu ngoặc kép:

- Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu;

- Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp;

- Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt.

b) Bài tập

Bài tập 4: Trong bài *Mây và sóng* có nhiều đoạn dẫn lời nói trực tiếp của các nhân vật. Dấu câu được sử dụng để đánh dấu lời nói trực tiếp ấy là dấu ngoặc kép.

III. ĐẠİ TỪ

Bài tập 5

- Bọn tớ là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều.
- Bọn tớ trong những lời nói trực tiếp ở bài *Mây và sóng* dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”.

Bài tập 6

- Chúng ta, bọn mình: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều bao gồm cả người nói và người nghe.
- Chúng tôi, bọn mình, chúng tôi: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói.
- Bọn tớ: đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói
→ Có thể chọn những từ bọn mình, chúng tôi thay cho bọn tớ. Vì hai từ này đều là những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói, có cùng ý nghĩa và mang sắc thái gần gũi, thân thiện.

Văn bản 3. Tiết 23-24. BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

– *Tạ Duy Anh* –

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- Tên: Tạ Duy Anh;
- Năm sinh: 9/9/1959;
- Quê quán: Hà Tây (nay là Hà Nội).
- Là cây bút trẻ nổi lên trong thời kỳ đổi mới văn học những năm 1980.

2. Tác phẩm

- a) Thể loại: truyện ngắn
- b) Ngôi kể: thứ nhất (người kể chuyện: anh trai Kiều Phương)
- c. Cốt truyện
 - Anh trai bức vì em gái Mèo hay lục lọi đồ vật...
 - Mèo bí mật học vẽ và tài hoa hội họa của Mèo được bất ngờ phát hiện.
 - Người anh không vui, ghen ghét, đố kỵ với tài năng của em, cảm thấy thua kém em.
 - Em gái thành công cả nhà mừng vui, người anh đi xem triển lãm tranh của em gái.
 - Đứng trước bức tranh của Kiều Phương, người anh ân hận

II. Đọc, hiểu văn bản.

1. Nhân vật Kiều Phương.

Biệt danh	Mèo
Ngoại hình	Luôn bị bôi bẩn
Cử chỉ Hành động	Lục lọi đồ vật với vẻ thích thú/ Tự chế màu vẽ/Vẽ anh trai
Tài năng	Vẽ rất đẹp
Thái độ	Không giận dỗi, vui vẻ
⇒ Nhận xét: Là cô bé hồn nhiên, tài năng, nhân hậu.	

2. Nhân vật người anh.

- Trước khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 6

- + Vui vẻ thân thiết và có phần xem thường khi thấy em chế màu vẽ
- + Buồn bã, mặc cảm đố kỵ, xa lánh em khi tài năng của em được phát hiện
- Sau khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình
- + Ngạc nhiên, hãnh diện, xấu hổ, ân hận
- Người anh có sự thay đổi thái độ bởi đã nhận ra lỗi lầm của mình (ích kỉ, ghen tị tầm thường) và tấm lòng thánh thiện của em gái.
- Bức tranh là tác phẩm nghệ thuật chân chính được sáng tạo bằng tài năng và tình cảm trong sáng của người em gái.

3. Bài học ứng xử

- Không nên ganh ghét đố kỵ với tài năng của người khác
- Nhân ái, vị tha trước lỗi lầm của mọi người

III. Tổng kết

1. Nội dung

Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình.

2. Nghệ thuật

- Kể chuyện theo ngôi thứ nhất
- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật

3. MÔN ANH 6 – TUẦN 6

Week 6: Unit 3 (A closer look 1, A closer look 2, Communication)
Period 16,17,18

UNIT 3: MY FRIENDS

B. A CLOSER LOOK 1

I. VOCABULARY

1. confident (adj)
2. caring (adj)
3. active (adj)
4. careful (adj)
5. creative (adj)
6. shy (adj)
7. kind (adj)
8. clever (adj)

1. Match the adjectives to the pictures.

1. c (caring) 2. e (active) 3. d (hard-working) 4. a (funny) 5. b (confident)

2. Use the adjectives in the box to complete the sentences. Pay attention to the highlighted words / phrases.

1. creative 2. Kind 3. Friendly 4. Careful 5. clever

3. Game: Why do I love my friends?

1. I love Trang because she is kind, creative and funny.
2. I love Minh because he is smart, caring and friendly.
3. ...

II. PRONUNCIATION: /b/ and /p/.

4. Listen and circle the words you hear. Then repeat.

Pig, pear, buy, rope

5. Listen. Then practise the chant. Notice the rhyme.

C. A CLOSER LOOK 2

* **GRAMMAR** *Present continuous*

Positive		
I am	}	+ V-ing (studying)
You/ We/ They are		
He/ She/ It is		
Negative		
I am	}	+ not V-ing (not studying)
You/ We/ They are		
He/ She/ It is		
Questions and answers		
Am I	}	+ V-ing (studying)?
Are you/ we/ they		
Is he/ she/ it		
Yes, I am.		
No, I am not.		
Yes, you/ we/ they are.		
No, you/ we/ they aren't.		
Yes, he/ she/ it is.		
No, he/ she/ it isn't.		

- We use the present continuous for actions happening now.
- We can use the present continuous with *now*, *at present*, or *at the moment*.

1. Put the verbs in brackets in the present continuous.

1. is reading 2. are playing 3. isn't making 4. am going 5. are; talking

2. Look at the pictures. Write sentences like the example. Use positive or negative present continuous verbs.

1. Nam and Ba are not / aren't eating ice cream.
2. Lan and Trang are taking photos.
3. Ha is / Ha's writing a letter.
4. Duong and Hung are not / aren't playing badminton.
5. Phong is not / isn't drawing a picture.

3. Work in pairs. Look at the pictures. Ask and answer.

1. Is your friend swimming?
– Yes, he is.
2. Are they listening to music?
– No, they aren't. (They're / They are having a picnic.)
3. Is Mi playing the piano?
– No, she isn't.
(She's / She is doing karate.)
4. Are they learning English?
– Yes, they are.
5. Are your friends cycling to school?
– No, they aren't. (They're / They are walking to school.)

*** REMEMBER:**

- *When something often happens or is fixed, we use the present simple.*
- *When something is happening now, we use the present continuous.*

4. Put the verbs in brackets in the present simple or present continuous.

1. does not / doesn't walk; cycles 2. is he playing 3. Do your friends study
4. am /'m writing 5. is not / isn't doing is / 's reading

5. Game: Charades

Take turns to mime different actions. Others guess what you are doing.

A: Are you dancing?

B: No, I'm not.

C: Are you looking for something?

B: Yes, I am.

D. COMMUNICATION

I. Everyday English: * Asking about appearance and person

1. Listen and read the dialogue between Linda and Mi. Pay attention to the highlighted.

What does your best friend look like?

What's she like?

2. Work with a classmate. Ask him / her about his / her best friend. Remember to use the two questions highlighted in 1.

- What does A look like?
- He is tall and slim. He has short black hair. He has glasses.
- What is he like?
- He is hard-working and creative. He is kind, too.

*** Date of birth and personality**

3. Read about these students in 4Teen magazine. Use one or two adjectives to describe them.

- Vinh: clever, hard-working
- John: creative, kind

4. We may have different personalities because we have different birthdays. Read the descriptions below. Do you think they match the friends in 3?

5. Read the descriptions in 4. Share your opinion with the class.

My birthday is ...

It's true that ...

It isn't true that ...

*** HOMEWORK**

- Learn Vocabulary & Grammar by heart.
- Do the exercises in your Workbook.
- Prepare the next lesson.



4. MÔN VẬT LÝ 6 – TUẦN 6

ĐO THỜI GIAN TIẾT 2

Hoạt động 1: Ước lượng thời gian và lựa chọn đồng hồ

Xác định được tầm quan trọng của việc ước lượng thời gian trước khi đo; ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.

- Đồng hồ bấm giây. Vì độ chia nhỏ để và giới hạn đo phù hợp với thời gian vận động viên chạy.

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách sử dụng đồng hồ đúng cách (10 phút)

- HS biết cách sử dụng đồng hồ đúng cách.
- Chỉ ra được một số thao tác sai khi đo thời gian bằng đồng hồ và nêu được cách khắc phục thao tác sai đó.
- Quan sát hình ảnh 6.4; 6.5; 6.6 trong SGK và cho biết trong 2 trường hợp a và b, trường hợp nào sử dụng đồng hồ đúng cách.

Gợi ý kết quả: các trường hợp sử dụng đồng hồ đúng cách:

+ Hình 6.4_b: Hiệu chỉnh đồng hồ về 0 trước khi đo.

+ Hình 6.5_a: Đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với đồng hồ.

+ Hình 6.6_a: Đọc và ghi kết quả đo theo vạch chia gần nhất với đầu kim của đồng hồ.

Hoạt động : Đo thời gian bằng đồng hồ (25 phút)

Thực hiện nhiệm vụ đi từ đầu đến cuối lớp học để các nhóm đo thời gian.

.DẶN DÒ

- HS về nhà học bài, làm bài tập 1, 2, 3 trong SGK;
- Chuẩn bị bài tiếp theo: đọc bài trước ở nhà.

5. MÔN HÓA HỌC 6 – TUẦN 6

CHỦ ĐỀ 2: CÁC THỂ CỦA CHẤT

**Bài 8: SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC THỂ CƠ BẢN CỦA CHẤT.
TÍNH CHẤT CỦA CHẤT.**

I/ Sự đa dạng của chất:

1- Các vật thể: Có 2 loại vật thể

a) **Vật thể tự nhiên:**

- Vật thể tự nhiên là vật thể được hình thành và tồn tại một cách tự nhiên, không phải do con người làm ra.

+ Ví dụ: Con suối và đôi núi ở H.8.1 (SGK)

- Vật thể tự nhiên có 2 loại

+ Vật sống (Vật hữu sinh) : Con người, cây cối ở H.8.1. (SGK)

+ Vật không sống (Vật vô sinh) : Tán đá bên bờ suối H.8.1 (SGK)

b) **Vật thể nhân tạo:**

- Vật thể nhân tạo là vật thể do con người tạo ra.

+ Ví dụ: cái quạt, chiếc xe máy, cốc thủy tinh, con đò, túi đường.

- Vật thể nhân tạo có 2 loại:

+ Vật thể được tạo ra từ một chất: Cốc thủy tinh

+ Vật thể được tạo ra từ nhiều chất: Túi đường saccarozơ, con đò H.8.1 (SGK)

2- Vật thể được tạo ra từ đâu?

- Vật thể được tạo ra từ những hạt vô cùng nhỏ gọi là chất, nên chất rất đa dạng.

- Ví dụ: Cốc thủy tinh là do chất thủy tinh tạo ra

Túi đường là do chất đường và chất đẽo tạo ra.

Thực vật là do chất nước, chất xenlulozơ . . . tạo ra.

6. MÔN SINH HỌC 6 – TUẦN 6

Bài 21: THỰC HÀNH QUAN SÁT SINH VẬT

A. Nội dung bài học:

1. Chuẩn bị: (SGK trang 98)

2. Cách tiến hành:

a. **Quan sát cơ thể đơn bào:**

* Bước 1: Đặt vài sợi bông lên lam kính.

* Bước 2: Dùng pipet lấy 1 giọt vàng nước ao hồ nhỏ lên lam kính đã có sẵn sợi bông.

* Bước 3: Đậy lamén, dùng giấy thấm nước tràn ra ngoài lamén.

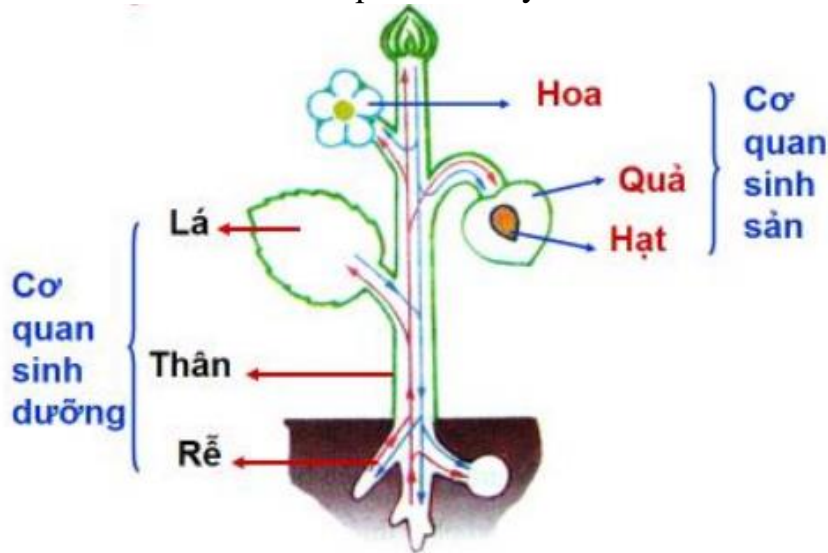
* Bước 4: Quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi với vật kính có số bội giác 10x và 40x.

* Vẽ và mô tả trùng roi xanh



b. Quan sát các cơ quan cấu tạo cây xanh:

Vẽ hình ảnh mô tả các cơ quan của cây xanh.



c. Quan sát mô hình hoặc tranh ảnh cấu tạo cơ thể người:

* Một số cơ quan ở người: tim, gan, thận, tai mắt, mũi, miệng, chân, tay,...

* Một số hệ cơ quan ở người: Hệ tuần hoàn (tim và mạch máu); Hệ bài tiết (thận, bóng đái, ống đái,...); Hệ tiêu hóa (miệng, hầu, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già,...); Hệ hô hấp (mũi, khí quản, phế quản, phổi);...

B. Luyện tập:

- Học bài theo nội dung ghi.
- Xem trước bài 22: Phân loại thế giới sống.

7. MÔN LỊCH SỬ 6 – TUẦN 6

Bài 6: AI CẬP CỔ ĐẠI (Tiết 2)

3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu.

- Chữ viết:
 - + khắc chữ tượng hình trên những phiến đá.
 - + giấy làm từ cây pa- pi-rút.
- Toán học:
 - + giỏi về hình học.
 - + biết cách đo đạc diện tích.
- Kiến trúc và điêu khắc: Kim tự tháp
- Y học Kỹ thuật ướp xác:
 - + ướp xác
 - + giỏi về giải phẫu học.
 - + biết rõ các bộ phận cơ thể người.

BÀI 7: LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

1. Điều kiện tự nhiên(HỌC SINH TỰ HỌC)

2. Quá trình thành lập nhà nước Lương Hà cổ đại

+ Người Xu-me là nhóm người đến cư trú sớm nhất ở Lương Hà. Khoảng 3500 năm TCN, họ xây dựng những quốc gia thành thị, Đó là những nhà nước đầu tiên của người Lương Hà. Mỗi quốc gia thành thị bao gồm một thành phố và vùng đất xung quanh lệ thuộc vào nó, tập trung chủ yếu ở lưu vực hai con sông.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 6

+ Sau người Xu-me, nhiều tộc người khác thay nhau làm chủ vùng đất này và lập nên những vương quốc, những đế chế hùng mạnh.

- Những thành thị gắn với những nhà nước ra đời sau giai đoạn Xu-me: Mari, Ashur, Babylon.

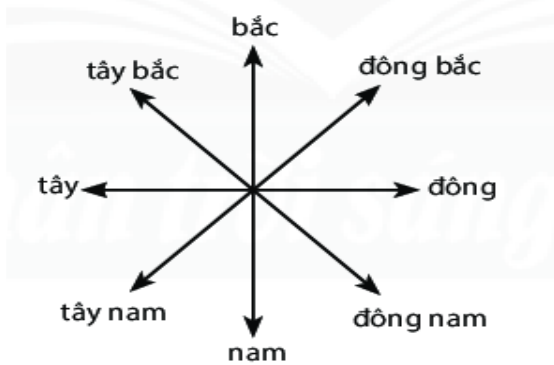
8. MÔN ĐỊA LÝ 6 – TUẦN 6

Bài 3: TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

I. Phương hướng trên bản đồ

- Sử dụng hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến để xác định phương hướng trên bản đồ. Ngoài ra còn dựa vào kim chỉ nam hoặc mũi tên chỉ hướng Bắc trên bản đồ để xác định hướng

- Các hướng chính trên bản đồ là Bắc, Nam, Đông, Tây.



Hình 3.1. Các hướng chính và hướng trung gian.

II. Tỷ lệ bản đồ

- Tỷ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa.

VD: bản đồ có tỷ lệ 1: 100000 có nghĩa là 1 cm trên bản đồ bằng 100000 cm hay 1000 m (1 km)

III. Luyện tập

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
1. Có mấy loại tỷ lệ bản đồ? Hãy kể tên và cho ví dụ.
2. Để tính khoảng cách trên thực địa dựa vào tỷ lệ bản đồ, chúng ta cần thao tác như thế nào?

3. Tính khoảng cách trên thực địa giữa A và B với tỉ lệ bản đồ là 1: 25.000, độ dài đo được giữa A và B là 2 cm.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

9. MÔN CÔNG NGHỆ 6 – TUẦN 6

BÀI 3. NGÔI NHÀ THÔNG MINH (Tiết 2)

III. SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG GIA ĐÌNH

***Hoạt động 1:** Em hãy nêu được khái niệm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình. Nhận biết được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình. Sử dụng được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, có hiệu quả (Phần này k ghi bài)

***Nội dung ghi vào vở:**

Sử dụng năng lượng đúng lúc, đúng chỗ sử dụng ít năng lượng mà vẫn đảm bảo được nhu cầu. Tiết kiệm năng lượng hiệu quả sẽ góp phần tiết kiệm chi phí cho gia đình, bảo vệ môi trường.

***Hoạt động 2:** Tìm hiểu biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình

***BÀI TẬP:**

- Chỉ ra những biểu hiện sử dụng năng lượng chưa tiết kiệm trong gia đình em. Liệt kê các biện pháp đã được thực hiện tại gia đình em để sử dụng hiệu quả năng lượng và tiết kiệm
- Đọc trước nội dung Bài 3/ Sgk (phần III)

10. MÔN GDCD 6 – TUẦN 6

Tuần 6- Tiết 6 Bài 3: SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ

1. Siêng năng, kiên trì và biểu hiện của siêng năng, kiên trì

a. Thế nào là siêng năng, kiên trì.(HỌC SINH TỰ HỌC)

- Siêng năng là đức tính của con người biểu hiện ở sự cần cù, tự giác, miệt mài làm việc thường xuyên, đều đặn.

- Kiên trì là sự quyết tâm làm đến cùng dù gặp khó khăn, gian khổ .

b. Biểu hiện của siêng năng, kiên trì.

+ Biểu hiện của siêng năng: sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên

Biểu hiện trái với siêng năng: lười biếng, không muốn làm việc, trốn tránh, ỷ lại...hoặc đùn đẩy việc cho người khác

+ Biểu hiện của kiên trì: chăm chỉ, cần cù, chịu khó, miệt mài...

Biểu hiện trái với kiên trì: Hay nản lòng, chóng chán, làm được đến đâu hay đến đó, không quyết tâm...

11. MÔN TIN HỌC 6 – TUẦN 6

Chủ đề 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

Bài 4: MẠNG MÁY TÍNH

I. Kiến thức cơ bản

1. Mạng máy tính là gì?

- Mạng máy tính: Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị kết nối với nhau để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính.
- Lợi ích của mạng máy tính: Giúp người sử dụng có thể liên lạc được với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng.

II. Bài tập vận dụng

Chọn đáp án đúng nhất.

Câu 1. Một mạng máy tính gồm

- A. tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.
- B. một số máy tính bàn.
- C. hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau.
- D. tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một nhà.

Câu 2. Máy tính kết nối với nhau để

- A. Chia sẻ các thiết bị
- B. Tiết kiệm điện
- C. Trao đổi dữ liệu
- D. Thuận lợi cho việc sửa chữa.

12. MÔN ÂM NHẠC 6 – TUẦN 6

CHỦ ĐỀ 2 : CUỘC SỐNG TƯƠI ĐẸP

Tiết 6 _ **Nghe nhạc : Tác phẩm The Blue Danube (Sông Đa Nuýp Xanh)**

_ **Ôn bài hát : Đời sống không già vì có chúng em**

Nội dung bài học :

1/ Nghe tác phẩm

_ HS quan sát và ghi nhớ

_ HS mở nhạc tác phẩm : The Blue Danube hs theo dõi và nghe nhạc .

_ Cảm nhận của các em sau khi nghe giai điệu của bản nhạc .

(Giai điệu uyển chuyển , nhịp nhàng , gợi lên bức tranh êm đềm , hiền hòa của dòng sông xanh Danube như toát lên vẻ hiện đại, sống động của thành phố Viên.

2 / Ôn bài hát .

HS mở phần đệm nhạc bài hát “Đời sống không già vì có chúng em” trên youtube nghe và hát (kết hợp vận động cơ thể và một số động tác phụ họa)

13. MÔN MỸ THUẬT 6 – TUẦN 6

Tuần 6 - Chủ đề 1: Biểu cảm của sắc màu

BÀI 3: TRANH IN HOA LÁ (Tiết 2)

(Nội dung mỹ thuật tạo hình)

HS nhắc lại kiến thức trọng tâm ở tiết trước của bài học: cách tạo bức tranh bằng hình thức in (các bước tạo bức tranh trang 14 sgk)

I. Tạo bức tranh in hoa, lá:

Học sinh tiếp tục thực hành tạo 1 bức tranh in hoa, lá hoàn chỉnh theo ý thích. (Có thể tạo khuôn in bằng những vật liệu như: hoa, lá, rau, củ, quả, bìa các tông, nắp hộp, tẩy, tấm bông,...)

II. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 6

Học sinh trưng bày tranh và nêu cảm nhận, phân tích tranh về hình, màu, bố cục tranh, kỹ thuật in...

III. Tìm hiểu nghệ thuật tranh in trong đời sống:

Học sinh tìm hiểu mở rộng về tranh in và vai trò của tranh in trong cuộc sống, phát biểu được về một số ứng dụng của tranh in.

14. MÔN THỂ DỤC 6 – TUẦN 6

CHỦ ĐỀ 1: CHẠY CỰ LI NGẮN (60m)

BÀI 3: XUẤT PHÁT VÀ CHẠY LAO SAU XUẤT PHÁT

(Thời lượng: 3 tiết)

NỘI DUNG:

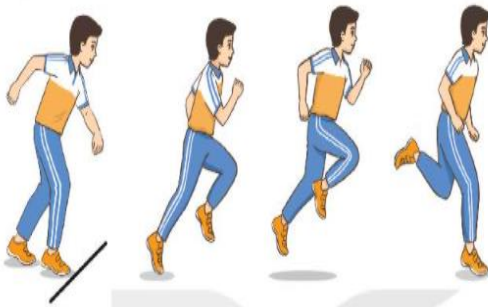
- Làm quen với chạy lao sau xuất phát .

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

2. Chạy lao sau xuất phát

- Sau khi rời vị trí xuất phát, người chạy bước vào giai đoạn chạy lao:
- + Duy trì độ ngả ra trước của thân trên.
- + Nỗ lực đạp mạnh chân kết hợp tăng dần tốc độ và độ dài của bước chạy.
- + Giảm dần độ ngả ra trước của thân trên theo mức độ tăng dần của tốc độ chạy.



2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

Luyện tập xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát



Hình 4. Luyện tập xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

CHỦ ĐỀ 3: CHẠY CỰ LI TRUNG BÌNH

BÀI 3: XUẤT PHÁT VÀ TĂNG TỐC ĐỘ SAU XUẤT PHÁT

CHẠY VỀ ĐÍCH

(Thời lượng: 3 tiết)

NỘI DUNG:

Hoạt động 1: Xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 6

a. Mục tiêu: biết được xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi, tập theo hiệu lệnh.

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

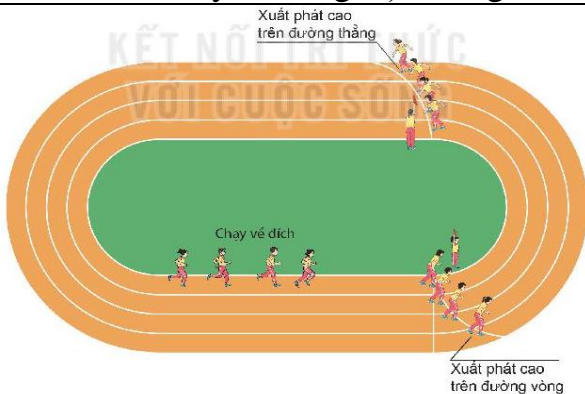
1. Xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát

- Xuất phát trong cự li trung bình gồm có: Xuất phát cao trên đường thẳng, xuất phát cao trên đường vòng.

- Khi có khẩu lệnh:

+ "Vào chỗ": Nhanh chóng bước đến sau vạch xuất phát và đứng ở tư thế sẵn sàng như chạy cự li ngắn.

+ "Chạy!": Nhanh chóng rời vị trí xuất phát và tăng tốc độ (không nỗ lực để đạt tốc độ tối đa như chạy cự li ngắn) hướng tới chạy theo mép trong của đường chạy.



2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

Tập xuất phát cao trên trường thẳng, đường vòng và chạy băng qua đích theo thứ tự:

- Tập hô khẩu lệnh và xuất phát theo khẩu lệnh từ chậm đến nhanh.

- Tập xuất phát trên đường thẳng trước, đường vòng sau.

- Phối hợp chạy giữa quãng và chạy băng qua đích.

- Động tác chân: Khi tiếp đất, bàn chân phải hơi xoay vào trong.

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.